

TIÊU CHUẨN NGÀNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM BỘ Y TẾ	TIÊU CHUẨN SỨC KHOẺ - PHÂN LOẠI ĐỂ KHÁM TUYỂN, KHÁM ĐỊNH KỲ	Quyết định Số: 1613/BYT-QĐ <i>Có hiệu lực từ 15/08/1997</i>
---	---	--

I - QUY ĐỊNH CHUNG:

1. Tiêu chuẩn này áp dụng cho việc phân loại sức khỏe để khám tuyển, khám định kỳ, khám đổi nghề vì sức khỏe của các công dân Việt Nam vào học ở các trường Đại học, Trung học Chuyên nghiệp trường Dạy nghề và vào làm việc ở các tổ chức sản xuất kinh doanh của nhà nước, của tư nhân, các tổ chức liên kết liên doanh với nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đối với các nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thì tiêu chuẩn này là tiêu chuẩn sơ tuyển. Việc khám tuyển chính thức sẽ dựa vào tiêu chuẩn khám tuyển của từng nghề, công việc đó.

3. Công dân Việt Nam từ 15 tuổi trở lên không bị các bệnh cấp tính là đối tượng của tiêu chuẩn này.

4. Tiêu chuẩn quy định có 5 loại sức khỏe:

-Loại I : Rất khỏe

-Loại II : Khỏe

-Loại III : Trung bình

-Loại IV : Yếu

-Loại V : Rất yếu

II- TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI SỨC KHOẺ

1. Bệnh tật:

TIÊU HOÁ					
Thực quản:					
54.1- Bình thường	x				
54.2- Viêm thực quản mạng tĩnh, giãn, loét			x		
54.3- Hẹp thực quản				x	
54.4- Giãn tĩnh mạch thực quản				x	
54.5- Ung thư thực quản					x
Dạ dày tá tràng:					
55.1- Bình thường	x				
55.2- Viêm dạ dày - tá tràng mạng tĩnh			x		
55.3- Loét dạ dày:					
- Chưa có biến chứng				x	
- Có biến chứng: chảy máu, hẹp môn vị					x
55.4- Sa dạ dày: * Độ I			x		
* Độ II, III				x	
55.5- Loét hành tá tràng:					
- Chưa có biến chứng			x		
- Có biến chứng				x	
55.6- Loét dạ dày tá tràng đã phải mổ:					

- Kết quả tốt			x		
- Kết quả không tốt				x	x
55.7- Ung thư dạ dày					x
Đại tràng, trực tràng:					
56.1- Bình thường	x				
56.2- Rối loạn chức năng đại tràng mạn tính:					
- Nhẹ		x			
- Vừa			x		
- Nặng				x	
56.3- Viêm loét đại tràng xuất huyết:					
- Nhẹ			x		
- Vừa				x	
- Nặng					x
56.4- Các bệnh lành tính của đại tràng phải can thiệp bằng phẫu thuật			x		
56.5- Pôlip trực tràng:					
- Cuống nhỏ điều trị khỏi			x		
- Chảy máu				x	
56.6- Ung thư trực tràng, đại tràng					x
Hậu môn trực tràng:					
57.1- Bình thường	x				
57.2- Rò hậu môn:					
- Đơn giản đã điều trị tốt			x		
- Phức tạp đã điều trị nhiều lần				x	
57.3- Sa trực tràng				x	
57.4 - Nứt hậu môn:					
- Đã điều trị, kết quả tốt			x		
- Nhiễm trùng đã phải điều trị nhiều lần				x	
57.5- Trĩ:					
- Không có	x				
- Trĩ ngoại: + Độ I		x			
+ Độ II			x		
+ Độ III				x	
- Trĩ nội hoặc trĩ kết hợp, có búi nhỏ(dưới 0,5cm) không có hoặc có ít biến chứng			x		
- Trĩ nội ngoại kết hợp có triệu chứng ít				x	
- Trĩ đã thắt nay có búi trĩ tái phát				x	
Tiểu tràng:					
58.1- Bình thường	x				
58.2- Thủng tiểu tràng do các nguyên nhân phải mổ:					

- Kết quả tốt, không có ảnh hưởng tới tiêu hoá			x		
- Có ảnh hưởng tiêu hoá và sinh hoạt, có hội chứng bán tắc				x	
58.3- Tắc ruột cơ giới phải mổ:					
- Kết quả tốt			x		
- Vẫn còn rối loạn tiêu hoá				x	
- Thoát vị bẹnL + Chứa phẫu thuật				x	
+ Đã phẫu thuật kết quả tốt		x			
+ Đã phẫu thuật kết quả không tốt				x	
58.4- Ký sinh trùng đường ruột:					
- Chưa gây biến đổi chức năng	x				
- Gây biến đổi chức năng			x	x	
Ruột thừa:					
59.1- Bình thường hoặc mổ từ bé, kết quả tốt	x				
59.2- Đã mổ kết quả tốt(người lớn)		x			
59.3- Có di chứng, biến chứng sau mổ				x	
Gan:					
60.1- Bình thường	x				
60.2- Viêm gan đã chữa khỏi trên 12 tháng, sức khoẻ bình thường		x			
60.3- Viêm gan mạn tính thể tồn tại, thể tấn công					x
60.4- Xơ gan, gan to chưa rõ nguyên nhân					x
60.5- Đụng dập gan đã xử trí kết quả tốt			x		
60.6- Áp xe gan đã phải can thiệp ngoại khoa, nay ổn định			x		
60.7- Áp xe gan đã vỡ gây biến chứng, tuy đã điều trị khỏi					x
60.8- Ung thư gan					x
Mật, tụy:					
61.1- Bình thường	x				
61.2- Viêm túi mật, ống dẫn mật mạn tính			x		
61.3- Sỏi túi mật đã cắt bỏ túi mật			x		
61.4- Sỏi ống chủ mật					x
61.5- Viêm tụy mạn tính					x
61.6- Viêm tụy cấp đã điều trị khỏi		x			
61.7- Viêm tụy chảy máu đã điều trị ngoại khoa				x	
61.8- Ung thư tụy					x
Lách:					
62.1- Bình thường	x				
62.2- Lách to mạn tính xơ cứng				x	
62.3- Cắt lách kết quả tốt			x		
62.4- Đụng dập lách đã xử trí ngoại khoa tốt			x		

Phụ lục 1- MỘT SỐ ĐIỀU LƯU Ý KHI KHÁM LÂM SÀNG

16. Rối loạn chức năng đại tràng mạn tính (chỉ tiêu 56.2):

- Nhẹ: mỗi năm chỉ 1-2 đợt ngắn, đau ít và nhẹ, rối loạn đại tiện nhẹ, ít ảnh hưởng đến sinh hoạt và sức khỏe nói chung.
- Vừa: mỗi năm chỉ 3-4 đợt, cường độ đau đáng kể, rối loạn tiêu hóa kéo dài, có ảnh hưởng đến sinh hoạt và sức khỏe.
- Nặng: mỗi năm trên 4 đợt hoặc đau kéo dài hàng tháng, cường độ đau nhiều, ảnh hưởng đến sức khỏe, sinh hoạt và tinh thần.